ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 797/NQ-UBTVQH14	*Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2019*

NGHỊ QUYẾT
Về phương án phân bổ 10.000 tỷ đồng từ nguồn điều chỉnh giảm nguồn vốn dự kiến bố trí cho các dự án quan trọng quốc gia của Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2016/QH14 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 71/2018/QH14 của Quốc hội;

Sau khi xem xét Tờ trình số 424/TTr-CP ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ; Báo cáo thẩm tra số 1736/BC-UBTCNS14 ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban Tài chính - Ngân sách về phương án phân bổ 10.000 tỷ đồng từ nguồn điều chỉnh giảm nguồn vốn dự kiến bố trí cho các dự án quan trọng quốc gia của Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1

Phân bổ 5.931 tỷ đồng từ nguồn điều chỉnh giảm nguồn vốn dự kiến bố trí cho các dự án quan trọng quốc gia của Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 cho các dự án tại các Phụ lục số 1, 2, 3, 4 và 5 kèm theo Nghị quyết này. Giao Chính phủ chỉ đạo các địa phương liên quan hoàn thiện thủ tục đầu tư, giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 cho các dự án bảo đảm đúng quy định của Luật Đầu tư công.

Điều 2

Giao Chính phủ báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định tại Kỳ họp thứ 8 đối với số 4.069 tỷ đồng còn lại, hòa chung để thực hiện theo Nghị quyết số 84/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội.

Điều 3

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Ủy ban Tài chính - Ngân sách, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban khác của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, Kiểm toán nhà nước, Thanh tra Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát, kiểm toán, thanh tra việc thực hiện Nghị quyết này./.

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Kim Ngân

Phụ lục 1

DANH MỤC DỰ ÁN XỬ LÝ SẠT LỞ CẤP BÁCH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

(Kèm theo Nghị quyết số 797/UBTVQH14 ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Danh mục dự án	Số vốn bố trí
	TỔNG SỐ	1.000,0
1	Long An	165,0
-	Xử lý sạt lở bờ sông Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An	75,0
-	Kè thị trấn Đông Thành, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An	90,0
2	Tiền Giang	70,0
-	Xử lý sạt lở bờ sông Ba Rài, thị xã Cai Lậy (đoạn từ cầu Cai Lậy (QL1) đến UBND xã Tân Bình)	10,0
-	Xử lý sạt lở bờ sông Tiền tại Cù Lao Tân Long, thành phố Mỹ Tho	15,0
-	Xử lý sạt lở bờ sông Tiền khu vực Cù Lao Tân Phong, xã Tân Phong, huyện Cai Lậy	20,0
-	Xử lý sạt lở bờ Bắc rạch Bảo Định, thành phố Mỹ Tho	25,0
3	Vĩnh Long	10,0
-	Kè chống sạt lở bờ sông Long Hồ, khu vực phường 1, phường 5, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	10,0
4	Bến Tre	70,0
-	Kè chống xói lở bờ sông Mỏ Cày, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (bờ Nam)	70,0
5	Đồng Tháp	60,0
-	Kè Bình Thành đến Vàm Phong Mỹ (GD2)	25,0
-	Kè Hồ Cứ, xã Hòa An, Thành Phố Cao Lãnh	35,0
6	An Giang	105,0
-	Kè chống sạt lở sông Hậu, đoạn qua xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang	15,0
-	Nâng cấp hệ thống đê cấp III vùng Đông kênh Bảy Xã, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang	35,0
-	Kè bảo vệ thị trấn Long Bình (sông Bình Di), huyện An Phú, tỉnh An Giang	55,0
7	Trà Vinh	80,0
-	Kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển ấp Cồn Nhàn, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	40,0
-	Kè chống sạt lở bờ sông Cổ Chiên khu vực Cù lao ấp Long Trị, xã Long Đức, TP Trà Vinh	40,0
8	Sóc Trăng	80,0
-	Khắc phục sạt lở bờ sông trên địa bàn huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	80,0
9	Bạc Liêu	40,0
-	Đoạn kè cấp bách xử lý sạt lở cửa sông ven biển thị trấn Gành Hào, huyện Đông Hải	40,0
10	Hậu Giang	90,0
-	Khắc phục sạt lở khu vực thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành	40,0
-	Kè chống sạt lở thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành	20,0
-	Bờ kè chống sạt lở kênh 13 và kênh 10 Thước tại khu vực trung tâm huyện Long Mỹ	30,0
11	Cà Mau	80,0
-	Xây dựng kè cấp bách bảo vệ bờ biển Đông khu vực cửa biển Rạch Gốc, cửa biển Vàm Xoáy	80,0
12	Cần Thơ	80,0
-	Dự án Kè chống sạt lở sông Ô Môn - khu vực Thới An, quận Ô Môn (phía bờ phải)	80,0
13	Kiên Giang	70,0
-	Kè chống sạt lở khu vực Mũi Rãnh huyện An Biên	25,0
-	Kè chống sạt lở khu vực Xẻo Nhàu huyện An Minh	45,0

Phụ lục 2

DANH MỤC DỰ ÁN HỖ TRỢ KHẨN CẤP SẠT LỞ BỜ BIỂN ĐẶC BIỆT NGUY HIỂM KHU VỰC MIỀN TRUNG

(Kèm theo Nghị quyết số 797/UBTVQH14 ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Danh mục dự án	Số vốn bố trí
	TỔNG SỐ	1.000,0
1	**Hà Tĩnh**	**100,0**
-	Xử lý sạt lở bờ biển xã Kỳ Lợi, thị xã Kỳ Anh	100,0
2	**Quảng Bình**	**120,0**
-	Kè biển Nhân Trạch	20,0
-	Kè biển Hải Thành-Quang Phú, thành phố Đồng Hới	100,0
3	**Quảng Trị**	**60,0**
-	Sửa chữa khẩn cấp kè biển Vịnh Mốc, Vĩnh Thạch, Vĩnh Linh	30,0
-	Sửa chữa khẩn cấp kè biển (Cửa Việt)	30,0
4	**Thừa Thiên Huế**	**85,0**
-	Kè chống sạt lở bờ biển đoạn qua thôn An Dương xã Phú Thuận, huyện Phú Vang (đoạn còn lại đã triển khai thi công đóng cọc, chưa gia cố phần mái)	15,0
-	Xử lý khẩn cấp khắc phục xói lở bờ biển Hải Dương	25,0
-	Kè chống sạt lở khẩn cấp bờ biển đoạn Phú Hải - Phú Diên, huyện Phú Vang	45,0
5	**Quảng Nam**	**40,0**
-	Chống xói lở khẩn cấp và bảo vệ bờ biên xã đảo Tam Hải, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	40,0
6	**Quảng Ngãi**	**70,0**
-	Kè chống sạt lở bờ biển Thôn Kỳ Xuyên, xã Tịnh Kỳ, Thành phố Quảng Ngãi	70,0
7	**Phú Yên**	**70,0**
-	Kè chống sạt lở bờ biển khu vực xã An Hoà, huyện Tuy An	45,0
-	Kè biển Xuân Hải, xã Xuân Hải, thị trấn Sông Cầu	25,0
8	**Ninh Thuận**	**155,0**
-	Khu vực xã Nhơn Hải đến xã Thanh Hải	105,0
-	Kè chống sạt lở khu vực cảng Cà Ná	50,0
9	**Bình Thuận**	**125,0**
-	Kè chống sạt lở bờ biển phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết	45,0
-	Kè bảo vệ khu dân cư phường Phước Lộc, thị xã La Gi	40,0
-	Kè chống sạt lở bờ biển khu phố 12, 13 và 14, thị trấn Liên Hương, huyện Tuy Phong; kết hợp nạo vét cửa Liên Hương	40,0
10	**Nghệ An**	**40,0**
-	Đê biển xã Quỳnh Thọ, huyện Quỳnh Lưu	20,0
-	Đê bãi Ngang, huyện Quỳnh Lưu	20,0
11	**Bình Định**	**75,0**
-	Đê, kè xã Nhơn Lý, thành phố Quy Nhơn	15,0
-	Kè xã Nhơn Hải, thành phố Quy Nhơn	60,0
12	**Khánh Hòa**	**60,0**
-	Kè chắn sóng bờ biển bảo vệ khu dân Phú Hội 2, xã Vạn Thắng	60,0

Phụ lục 3

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN KHẮC PHỤC ĐÊ XUNG YẾU, SẠT LỞ BỜ SÔNG, BỜ BIỂN

(Kèm theo Nghị quyết số 797/UBTVQH14 ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Danh mục dự án	Số vốn bố trí
	TỔNG SỐ	1.000,0
1	**Phú Thọ**	**65,0**
-	Tuyến đê hữu sông Thao đoạn từ Km52-Km69, huyện Tam Nông	65,0
2	**Nam Định**	**40,0**
-	Nâng cấp, cải tạo đê hữu sông Đào, huyện Vụ Bản	40,0
3	**Ninh Bình**	**45,0**
-	Xử lý cấp bách tuyến đê Đầm Cút	45,0
4	**Hưng Yên**	**60,0**
-	Xử lý cấp bách sự cố kè Phú Hùng Cường, đê tả Hồng, thành phố Hưng Yên	60,0
5	**Hà Tĩnh**	**40,0**
-	Xử lý cấp bách đê tả Nghèn	40,0
6	**Quảng Bình**	**60,0**
-	Kè chống sạt lở cửa sông biển Nhật Lệ, khu vực Hà Thôn-Cửa Phú, thành phố Đồng Hới	60,0
7	**Quảng Trị**	**50,0**
-	Khắc phục sạt lở đê biển Vĩnh Thái	50,0
8	**Bình Định**	**50,0**
-	Xử lý cấp bách đê, kè sông Kôn	50,0
9	**Quảng Nam**	**50,0**
-	Củng cố, nâng cấp tuyến đê ngăn mặn Bình Dương, Bình Đại, Bình Đào	50,0
10	**Quảng Ngãi**	**50,0**
-	Chống sạt lở bờ Bắc Cửa Đại	50,0
11	**Ninh Thuận**	**70,0**
-	Đê cửa sông Phú Thọ	70,0
12	**Bình Thuận**	**50,0**
-	Kè bảo vệ bờ biển phường Thanh Hải, thành phố Phan Thiết	50,0
13	**An Giang**	**50,0**
-	Đê bao vùng Đông kênh 7 xã	50,0
14	**Đồng Tháp**	**60,0**
-	Đê bao Sa Rài	60,0
15	**Bến Tre**	**80,0**
-	Củng cố, nâng cấp và bổ sung khép kín tuyến đê huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre	80,0
16	**Trà Vinh**	**80,0**
-	Xây dựng kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển xã Hiệp Thạnh, thuộc tuyến đê Long Hữu-Hiệp Thạnh	80,0
17	**Sóc Trăng**	**40,0**
-	Nâng cấp hệ thống đê bao các cù lao thuộc huyện Kế Sách	40,0
18	**Bạc Liêu**	**60,0**
-	Xây dựng, nâng cấp đê biển Đông cấp bách chống biến đổi khí hậu đoạn từ Kênh Mương 1 đến Kênh Huyện Kệ	60,0

Phụ lục 4

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN PHÒNG, CHỐNG, KHẮC PHỤC THIÊN TAI KHÁC

(Kèm theo Nghị quyết số ...797.../UBTVQH14 ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Danh mục dự án	Số vốn bố trí
	TỔNG SỐ	1.831,0
1	**Hà Giang**	**60,0**
-	Dự án di dân biên giới thôn Hố Quáng Phìn, xã Phú Lũng	10,0
-	Dự án bố trí, sắp xếp dân cư tập trung vùng thiên tai thôn Khai Hoang, xã Ma Lé, H. Đồng Văn	25,0
-	Dự án xây dựng khu tái định cư thị trấn Cốc Pài, huyện Xín Mần	25,0
2	**Tuyên Quang**	**50,0**
-	Di dân khẩn cấp ra khỏi vùng thiên tai nguy hiểm, đặc biệt khó khăn thôn Khâu Tinh, Tắc Kẻ, xã Khâu Tinh, Na Hang	30,0
-	Di dân khẩn cấp ra khỏi vùng lũ ống, lũ quét, sạt lở đất vùng rừng phòng hộ đầu nguồn thôn Ngòi Cát, xã Tiến Bộ, Yên Sơn	20,0
3	**Cao Bằng**	**120,0**
-	Kè chống sạt lở bờ, ổn định dân cư bờ trái sông Bằng, thành phố Cao Bằng	100,0
-	Dự án ổn định dân cư biên giới xóm Nà Trào	20,0
4	**Lào Cai**	**30,0**
-	Dự án bố trí, sắp xếp dân cư ra khỏi vùng thiên tai nguy hiểm thôn Móng Sến 1, 2, xã Trung Trải, huyện Sa Pa	30,0
5	**Yên Bái**	**15,0**
-	Dự án di chuyển khẩn cấp bố trí dân cư vùng thiên tai lũ ống, lũ quét trên địa bàn thị xã Nghĩa Lộ	15,0
6	**Thái Nguyên**	**20,0**
-	Dự án khu tái định cư tập trung vùng thiên tai có nguy cơ sạt lở bờ sông và ngập úng xã Tân Phú, huyện Phổ Yên	10,0
-	Dự án xây dựng CSHT thiết yếu di dân, tái định cư cho các hộ dân xóm Yên Thái, xã Tân Thái, huyện Đại Từ	10,0
7	**Bắc Kạn**	**10,0**
-	Dự án khắc phục khẩn cấp vùng sạt lở đất xã Cổ Linh, huyện Pắc Nậm	10,0
8	**Hòa Bình**	**24,0**
-	Dự án di dân tái định cư vùng thiên tai xóm Chầm, xã Yên Lập và kè chống sạt lở ổn định dân cư suối Bưng, các xã Thu Phong, Đông Phong và TT Cao Phong	24,0
9	**Sơn La**	**20,0**
-	Dự án khắc phục thiệt hại mưa lũ đường giao thông đến trung tâm xã và bảo vệ khu dân cư của 14 xã Bắc Phong và Đá Đỏ, H. Phù Yên	20,0
10	**Lai Châu**	**80,0**
-	Dự án sắp xếp ổn định dân cư 2 xã Tà Tổng và Mù Cả	30,0
-	Dự án bố trí dân cư tập trung ra khỏi vùng có nguy cơ sạt lở cao điểm bản Hua Cuổi, xã Nậm Cuổi, huyện Sìn Hồ	50,0
11	**Điện Biên**	**10,0**
-	Dự án sắp xếp, bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai bản Tin Tốc, xã Mường Lói	10,0
12	**Hải Dương**	**15,0**
-	Dự án đầu tư xây dựng công trình hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư vùng sạt lở xã Nhân Huệ thị xã Chí Linh	15,0
13	**Ninh Bình**	**30,0**
-	Dự án khắc phục thiệt hại do mưa lũ, bảo vệ khu dân cư các huyện Gia Viễn, Nho Quan	30,0
14	**Thanh Hóa**	**20,0**
-	Dự án sắp xếp dân cư vùng ảnh hưởng thiên tai huyện Lang Chánh	20,0
15	**Nghệ An**	**20,0**

TT	Danh mục dự án	Số vốn bố trí
-	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư để di dân khẩn cấp ra khỏi vùng thiên tai xã Hưng Hòa	10,0
-	Dự án di dân khẩn cấp ra khỏi vùng thiên tai ĐBKK biên giới xã Tri Lễ	10,0
16	**Hà Tĩnh**	**10,0**
-	Dự án đường giao thông nội vùng và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại khu tái định cư vùng thiên tai xã Hà Linh	10,0
17	**Quảng Bình**	**100,0**
-	Khắc phục khẩn cấp các đoạn sạt lở xung yếu bờ sông, bờ biển trên địa bàn huyện Bố Trạch	100,0
18	**Quảng Trị**	**20,0**
-	Dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư di dân khẩn cấp, ổn định ĐCĐC ra khỏi vùng lũ ống, lũ quét và sạt lở Tà Rụt, huyện Đakrông	10,0
-	Dự án bố trí, sắp xếp dân cư vùng biên giới Việt-Lào, xã Ba Tầng	10,0
19	**Quảng Nam**	**350,0**
-	Dự án Chống xói lở khẩn cấp bờ biển Cửa Đại (Hội An)	300,0
-	Dự án khu tái định cư di dời dân khẩn cấp vùng sạt lở các xã Quế Xuân 1, Quế Phú, Hương An	50,0
20	**Phú Yên**	**225,0**
-	Dự án chống xói lở bờ tả sông Bàn Thạch, huyện Đông Hòa	115,0
-	Dự án cấp bách kè biển Xóm Rớ và khu vực sạt lở xã An Phú, thành phố Tuy Hòa, Phú Yên	110,0
21	**Khánh Hòa**	**280,0**
-	Dự án tiêu thoát lũ các xã Diên Sơn - Diên Điền - Diên Phú, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa	80,0
-	Đầu tư cơ sở hạ tầng chống ngập lụt, xói lở khu dân cư Mỹ Thanh, kè bờ hữu sông Cái và kè bờ sông Cái qua xã Vĩnh Phương	200,0
22	**Đắk Lắk**	**40,0**
-	Dự án di dân khẩn cấp vùng lũ ống, lũ quét sạt lở đất cụm dân cư thôn 4, 7, 8, 9, 10, 12 xã Ya Tờ Mốt, huyện Ea Súp	40,0
23	**Lâm Đồng**	**10,0**
-	Dự án ổn định dân di cư tự do các thôn Đan Hà, Thống Nhất, Phượng Lâm, Tân Lập, xã Đan Phượng, huyện Lâm Hà	10,0
23	**Bình Phước**	**10,0**
-	Dự án hỗ trợ di dân thực hiện ĐCĐC cho đồng bào DTTS xã Đắk Ơ (hạng mục đường từ thôn cây Da, xã Phú Văn đến thôn Đắk Á, xã Bù Gia Mập)	10,0
22	**Long An**	**25,0**
-	Công trình kè sông Bảo Định (đoạn từ kênh Vành đai đến đường Võ Văn Môn)	25,0
23	**Bến Tre**	**42,0**
-	Dự án đầu tư xây dựng công trình khu tái định cư vùng có nguy cơ bị thiên tai xã Long Hòa, Bình Đại	42,0
24	**Trà Vinh**	**30,0**
-	Dự án di dân khẩn cấp vùng sạt lở thị trấn Cầu Ngang và xã Thuận Hòa	30,0
25	**Vĩnh Long**	**100,0**
-	Kè chống sạt lở bờ sông kênh Chà Và, khu vực phường Đông Thuận, thị xã Bình Minh	100,0
26	**Hậu Giang**	**20,0**
-	Dự án sắp xếp, ổn định dân cư do thiên tai cấp bách trên địa bàn huyện Châu Thành	20,0
27	**An Giang**	**15,0**
-	Dự án tuyến dân cư Phú Hiệp - Hòa Lạc	15,0
28	**Cà Mau**	**30,0**
-	Dự án đầu tư xây dựng bờ kè chống sạt lở tại cửa sông Hương Mai, huyện U Minh	30,0

Phụ lục 5

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN QUAN TRỌNG, CẤP BÁCH KHÁC

(Kèm theo Nghị quyết số ..797.../UBTVQH14 ngày ..24... tháng 10 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Danh mục dự án	Số vốn bố trí
	TỔNG SỐ	1.100,0
1	Tuyên Quang	500,0
-	Hỗ trợ giải phóng mặt bằng xây dựng đường cao tốc kết nối Tuyên Quang - Phú Thọ với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	500,0
2	Bình Định	600,0
-	Dự án Quốc lộ 19, đoạn từ cảng Quy Nhơn đến nút giao Quốc lộ 1: Hỗ trợ giải phóng mặt bằng	600,0